

Số: 246 /QĐ-ĐHQGHN

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình và giao nhiệm vụ đào tạo

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP, ngày 17/11/2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên ban hành theo Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học ban hành theo Quyết định số 5115/QĐ-ĐHQGHN ngày 25/12/2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quy định về mở mới và điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ đại học tại Đại học Quốc gia Hà Nội, ban hành theo Quyết định số 1111/QĐ-ĐHQGHN, ngày 04/04/2018 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Khoa học giáo dục, ngành đào tạo thí điểm.

Điều 2. Giao cho Trường Đại học Giáo dục tổ chức đào tạo thí điểm trình độ đại học ngành Khoa học giáo dục theo đúng Quy chế đào tạo đại học tại Đại học Quốc gia Hà Nội, các quy định hiện hành có liên quan và chương trình đào tạo kèm theo quyết định này.

Điều 3. Sau hai khóa đào tạo, Trường Đại học Giáo dục tổ chức hội thảo để đánh giá chương trình đào tạo, công tác tổ chức đào tạo, chất lượng đào tạo và báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Đào tạo, Trưởng Ban Kế hoạch Tài chính và Hiệu trưởng Trường Đại học Giáo dục chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Giám đốc ĐHQGHN (để b/c);
- Lưu: VT, ĐT, O7.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hồng Sơn

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH: Khoa học giáo dục

MÃ SỐ: Ngành đào tạo thí điểm

*(Ban hành theo Quyết định số 246 /QĐ-ĐHQGHN, ngày 22 tháng 01 năm 2019
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:
- + Tiếng Việt: Khoa học giáo dục
- + Tiếng Anh: Education Studies
- Danh hiệu tốt nghiệp: Cử nhân
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tên văn bằng tốt nghiệp:
- + Tiếng Việt: Cử nhân ngành Khoa học giáo dục
- + Tiếng Anh: The Degree of Bachelor of Art in Education Studies Management
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN)

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Khoa học giáo dục cung cấp kiến thức mang tính hệ thống về các khoa học giáo dục, nhằm đào tạo nhân lực có trình độ chuyên môn với kiến thức ở trình độ cử nhân về giáo dục và năng lực phân đoán có tính tổng hợp;

Chương trình được thiết kế để cùng với việc giúp sinh viên học tập và nghiên cứu các lý thuyết, các tư tưởng, các sự kiện và những thách thức khác nhau liên quan đến giáo dục từ các quan điểm triết học, lịch sử, xã hội học và quốc tế, họ có thể tiến hành các nghiên cứu về lý thuyết và thực tiễn đối với các nhóm vấn đề cụ thể liên quan đến giáo dục nhà trường và giáo dục trong cộng đồng;

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Khoa học giáo dục cũng hình thành ở người học các kỹ năng:

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và tách nhiệm đối với nhóm;

- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định;
- Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân;
- Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động;
- Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, giải quyết vấn đề, hợp tác, làm việc theo nhóm, giao tiếp (bằng ngôn ngữ, trong đó có ngoại ngữ), thiết lập các mối quan hệ cộng đồng ...;

Sau khi hoàn thành chương trình, ngoài việc tiếp tục học sau đại học để đạt được trình độ cao hơn, người học có thể sử dụng các chuyên môn về khoa học giáo dục để thực hiện các công việc như nghiên cứu và/hoặc giảng dạy về khoa học giáo dục, các chuyên viên về giáo dục trong giáo dục nhà trường và giáo dục cộng đồng.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo cử nhân ngành Khoa học giáo dục, người học có thể:

- Hỗ trợ, tham gia vào các nhóm nghiên cứu khoa học giáo dục trong các cơ sở nghiên cứu, các trường đại học;
- Chuyên viên trong các dự án giáo dục cộng đồng;
- Cán bộ thực hiện công tác giáo dục trong các nhà trường: làm công tác đoàn đội, tổ chức các hoạt động giáo dục, hoạt động trải nghiệm trong nhà trường, giáo dục giá trị và kỹ năng sống cho học sinh...

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh

- Theo Đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Giáo dục.

3.2. Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh:

- Theo quy định của ĐHQGHN (khóa đầu dự kiến 50 sinh viên/năm).

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

Tốt nghiệp chương trình đào tạo, sinh viên có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của khoa học giáo dục và các khoa học có liên quan; nắm vững kỹ thuật và có kiến thức thực tế để có thể giải quyết các vấn

đề phức tạp; tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực được đào tạo để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn; có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực được đào tạo; có được các phương pháp nghiên cứu, thu thập và phân tích dữ liệu, thông tin và tư liệu liên quan đến giáo dục; hình thành năng lực phân tích, phán đoán đối với các vấn đề giáo dục cụ thể, năng lực lập chính sách, năng lực cải tiến, giải quyết vấn đề, năng lực nghiên cứu và phát triển về giáo dục.

1.1. Kiến thức chung

- Vận dụng được các kiến thức về nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để có được nhận thức và hành động đúng trong cuộc sống, học tập và lao động nghề nghiệp giáo dục;
- Hiểu được những nội dung cơ bản của đường lối đấu tranh cách mạng, các bài học về lý luận và thực tiễn của Đảng Cộng sản Việt Nam để có nhận thức và hành động đúng trong thực tiễn công tác giáo dục và đào tạo Việt Nam;
- Đánh giá và phân tích được các vấn đề an ninh, quốc phòng và có ý thức hành động phù hợp để bảo vệ Tổ quốc;
- Cập nhật được các thành tựu mới của công nghệ và quản lý công nghệ thông tin trong giáo dục, sử dụng được các phương tiện công nghệ thông tin trong học tập, nghiên cứu khoa học và công tác trong giáo dục;
- Kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và giao tiếp ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam;
- Vận dụng được những kiến thức khoa học cơ bản về thể dục thể thao vào quá trình tập luyện, tự rèn luyện để củng cố và tăng cường sức khỏe thể chất và tinh thần của cá nhân và cộng đồng.

1.2. Kiến thức theo lĩnh vực

- Hiểu và phân tích được các khái niệm cơ bản liên quan đến tâm lý con người và các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình hình thành và phát triển tâm lý con người; hiểu được vai trò, mục đích, mục tiêu, chức năng của Khoa học giáo dục trong xã hội; vận dụng vào thực hiện các nhiệm vụ giáo dục trong giáo dục và cuộc sống xã hội;
- Vận dụng kiến thức công nghệ thông tin, các xu hướng giáo dục số trong thế kỷ 21, các học thuyết mới về lý luận dạy học điện tử, các đặc điểm văn hóa, tâm

lí, sự thay đổi vai trò, chức năng của người dạy và người học để tổ chức hoạt động giáo dục trong và ngoài nhà trường.

1.3. Kiến thức của khối ngành

- Hiểu và nắm vững các kiến thức cơ bản về triết lí giáo dục, xã hội học giáo dục, tâm lí học giáo dục để vận dụng trong nghiên cứu các vấn đề về khoa học giáo dục; vận dụng được các kiến thức về lịch sử phát triển giáo dục, hệ thống giáo dục quốc dân và các chính sách giáo dục, xã hội có liên quan trong việc giải thích, đánh giá các nghiên cứu giáo dục và thực tiễn giáo dục một cách phù hợp;

- Vận dụng lí thuyết kinh tế học giáo dục để xác định nguồn đầu tư, tỷ lệ đầu tư giáo dục, giá thành giáo dục, hiệu suất và hiệu quả kinh tế giáo dục trong các cơ sở giáo dục. Xây dựng chính sách tài chính giáo dục phù hợp để nghiên cứu khoa học giáo dục và tổ chức hoạt động giáo dục tại cộng đồng;

- Phân tích được bản chất của các lí thuyết và có thể vận dụng vào phân tích các hiện tượng tâm lí con người phục vụ giáo dục phát triển nhân cách, trí tuệ người học; chỉ ra được cơ sở tâm lí trong việc thiết kế công cụ đo cũng như nhìn nhận người học trong sự phát triển, đánh giá trong sự phát triển; hiểu rõ bản chất tâm lí của trí tuệ và quá trình hình thành phát triển trí tuệ; biết cách nghiên cứu, đánh giá và chẩn đoán về tâm lí con người;

- Hiểu rõ bản chất của tư vấn tâm lí học đường, có được các kiến thức về tư vấn tâm lí, tâm lí học sinh và các kĩ năng tư vấn; Nhận biết được những hành vi, thái độ, dấu hiệu, biểu hiện khó khăn tâm lí học đường; hệ thống hóa được những nhóm khó khăn tâm lí thường gặp; vận dụng những hiểu biết về nghề, xu hướng nghề để tư vấn hướng nghiệp trong nhà trường và cộng đồng.

1.4. Kiến thức của nhóm ngành

- Phân tích các hiện tượng, xu hướng giáo dục trên thế giới hiện nay; vận dụng những hiểu biết về giáo dục trên thế giới, giáo dục và quyền con người, giáo dục trong gia đình, giáo dục và phát triển bền vững vào nghiên cứu khoa học giáo dục, xây dựng chính sách, đánh giá thực tiễn giáo dục và tư vấn cho các hoạt động giáo dục trong nhà trường hoặc cộng đồng;

- Vận dụng lí thuyết phát triển chương trình giáo dục, lí luận dạy học để phát triển các chương trình theo hướng liên ngành, tích hợp hài hòa giữa các bộ môn khoa học để thúc đẩy sự sáng tạo; kiến tạo những ý tưởng mới, những giải pháp mới cho các vấn đề giáo dục hiện tại và tương lai;



- Xây dựng quy trình, cách thức và kế hoạch triển khai nghiên cứu khoa học, xác định được phương pháp và công cụ nghiên cứu phù hợp, cách phân tích số liệu hay kết quả nghiên cứu, trình bày được kết quả của công trình nghiên cứu;

- Vận dụng tổng hợp các cơ sở lí thuyết, cơ sở pháp lí, những chính sách về giáo dục và bộ máy quản lí giáo dục vào việc lập kế hoạch, tổ chức, giám sát hoạt động nghiên cứu khoa học và tổ chức hoạt động giáo dục, phù hợp với định hướng đổi mới giáo dục hiện nay;

1.5. Kiến thức ngành

1.5.1. Kiến thức chung của ngành

- Nắm vững những lí luận cơ bản về giáo dục người học, từ đó có cách nhìn tổng quát, đánh giá, phân tích vấn đề giáo dục nhân cách, lối sống cho thế hệ trẻ trong xã hội hiện đại, tiếp cận xu hướng mới về nội dung - phương pháp giáo dục; vận dụng những kiến thức cơ bản về quản lí, điều hành các hoạt động nghiên cứu, tổ chức giáo dục trong các cơ sở giáo dục và cộng đồng;

- Hiểu rõ những nội dung cơ bản của lí luận dạy học, lí thuyết dạy học hiện đại, các quan điểm sư phạm tương ứng và vận dụng vào thực tiễn dạy học; khái quát được các vấn đề trong thực tiễn dạy học, đặc biệt là thực tiễn dạy học phổ thông và xu hướng cải cách giáo dục của thế giới và Việt Nam;

- Áp dụng được lí luận về đo lường, đánh giá vào thực tiễn nghiên cứu giáo dục và tổ chức hoạt động giáo dục, đánh giá và cải tiến chất lượng chương trình giáo dục; xây dựng chiến lược phát triển giáo dục trong các cơ sở giáo dục và cộng đồng;

- Hiểu, phân tích được những thuật ngữ chuyên ngành để có thể trao đổi, nghiên cứu bằng tiếng Anh về những vấn đề chuyên môn liên quan đến Khoa học giáo dục.

1.5.2. Kiến thức theo các hướng chuyên sâu

1.5.2.1. Nghiên cứu khoa học giáo dục

- Hiểu rõ, nắm vững các vấn đề về dữ liệu, nâng cao khả năng phân tích, khái quát dữ liệu nhằm tìm ra giá trị các thuộc tính của các đối tượng, có được do quan sát, đo đạc và thu thập (số hoá); Ứng dụng phân tích dữ liệu người học để đánh giá, thu thập, phân tích, báo cáo dữ liệu về người học, bối cảnh học nhằm tối ưu hóa việc học và tăng cường tương tác trong dạy học, giáo dục;

- Phân tích các giai đoạn phát triển của khoa học hiện đại; tiếp cận các lí thuyết mới trong nghiên cứu khoa học Giáo dục; vận dụng các phương pháp nghiên

cứu mới; phát hiện ra các con đường mới để ứng dụng Khoa học giáo dục vào thực tiễn; thiết kế công cụ nghiên cứu định lượng và định tính; phân tích và kiểm tra độ tin cậy của thang đo; xây dựng các loại bảng hỏi phù hợp với mục đích nghiên cứu; vận dụng công nghệ hiện đại vào việc thu thập, xử lý dữ liệu nghiên cứu; sử dụng thành thạo một số phần mềm thống kê ứng dụng để xử lý số liệu trong nghiên cứu khoa học giáo dục;

- Giải thích và phân tích được ý nghĩa của các chỉ số trong phát triển giáo dục; vận dụng lý thuyết cơ bản về dự báo, quy trình dự báo, các mô hình dự báo, các phương pháp phân tích thông tin được sử dụng trong dự báo phát triển giáo dục;

1.5.2.2. Giáo dục cộng đồng

- Hiểu được kiến thức cơ bản về cộng đồng, phát triển cộng đồng, huy động các nguồn lực, đồng thời thúc đẩy phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo ở từng cơ sở và từng địa phương nhằm thực hiện được mục tiêu xã hội hoá giáo dục; Vận dụng chủ trương huy động cộng đồng để phát triển giáo dục; toàn dân đóng góp trí lực, nhân lực, vật lực, tài lực cho sự nghiệp giáo dục;

- Hiểu rõ các khái niệm nền tảng của giáo dục công dân toàn cầu; cung cấp định hướng chính sách và chương trình, tài liệu để tích hợp giáo dục công dân toàn cầu trong hệ thống giáo dục; hiểu những vấn đề cơ bản về trẻ em hư; đặc điểm và nguyên nhân dẫn đến tình trạng trẻ em hư; vận dụng kiến thức về mục tiêu, nội dung, nguyên tắc, các hình thức, phương pháp giáo dục lại; định hướng chính sách và chương trình, tài liệu để tích hợp giáo dục công dân toàn cầu trong hệ thống giáo dục phù hợp với hoàn cảnh địa phương;

- Hiểu được các kiến thức liên quan đến quan hệ công chúng, công nghệ thông tin và truyền thông; Sử dụng công cụ công nghệ thông tin và truyền thông một cách hợp lý sẽ mở rộng khả năng tiếp cận giáo dục; thiết lập, duy trì, phát triển những mối quan hệ có lợi với đông đảo công chúng hiện tại và tiềm năng.

1.5.2.3. Giáo dục trong trường học

- Hiểu rõ các hoạt động giáo dục truyền thống của tổ chức Đoàn - Đội và các kỹ năng tổ chức các hoạt động Đoàn - Đội cũng như giáo dục giá trị cho người học; Vận dụng linh hoạt vào việc thiết kế, tổ chức, chỉ đạo các hoạt động Đoàn - Đội và hoạt động giáo dục trong nhà trường một cách sáng tạo;

- Đánh giá và khai thác được các mô hình quản trị nhà trường tiên tiến để vận dụng vào thực tiễn giáo dục;

- Hiểu, xây dựng và quản lý được văn hóa của nhà trường để thực hiện sứ mạng, các mục tiêu, nhiệm vụ của nhà trường; tạo dựng một môi trường văn hóa thành công; phân tích được văn hóa và thấy rõ mối quan hệ giữa văn hóa nhà trường với vai trò của người lãnh đạo; so sánh các điểm mạnh và yếu của văn hóa giữa các nhà trường trong nước, trong khu vực, quốc tế và học tập kinh nghiệm lẫn nhau.

2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

2.1. Kỹ năng chuyên môn

2.1.1. Các kỹ năng nghề nghiệp

- Có kỹ năng cần thiết để giải quyết các vấn đề phức tạp, đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của Khoa học giáo dục trong những bối cảnh khác nhau; có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực được đào tạo; có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề quy mô địa phương và vùng miền;

- Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp; có kỹ năng, thao tác cơ bản trong dạy học đáp ứng yêu cầu trong bối cảnh xã hội thông tin hiện nay, thực hiện đổi mới quá trình dạy học, ứng dụng công nghệ trong mô hình dạy học phi truyền thống và phát triển hệ thống các khóa đào tạo trực tuyến;

- Xây dựng và phát triển công nghệ thông tin trong giáo dục, sử dụng công nghệ để thay đổi tư duy khoa học và tư duy giáo dục thời đại. Khai thác, sử dụng được công nghệ thông tin và các điều kiện hỗ trợ trong nghiên cứu khoa học giáo dục, góp phần đổi mới chiến lược giáo dục;

- Xây dựng được các công cụ và lựa chọn được các phương pháp thu thập và xử lý thông tin trong nghiên cứu Khoa học Giáo dục; điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ nghiên cứu và giáo dục cộng đồng; các điều kiện về môi trường nhà trường, gia đình và xã hội hỗ trợ cho việc giáo dục, tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường;

- Ứng xử phù hợp với hành vi của người học, tư vấn và hỗ trợ để người học tự ra quyết định và giải quyết vấn đề của cá nhân, điều chỉnh hành vi và thái độ, khơi dậy lòng tự trọng, tự tôn giá trị và tự hoàn thiện bản thân;

- Phân tích được những xu hướng, dự đoán những kết quả, tư vấn đưa ra các



lời khuyến cáo cho các nhà quản lý giáo dục và thực hiện các chương trình hành động đã được lập kế hoạch để phục vụ quyền lợi của cả tổ chức và cộng đồng;

- Tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục; kỹ năng sáng tạo trò chơi giáo dục giá trị sống; kỹ năng thiết kế và tổ chức các hoạt động trải nghiệm thực tiễn về giá trị và kỹ năng sống, rèn luyện ý thức công dân trong cộng đồng; Đề xuất được các biện pháp giáo dục và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện của nhà trường và cộng đồng;

- Phân tích và vận dụng được các quan điểm lãnh đạo, chính sách về giáo dục của Đảng và Nhà nước. Thể hiện vai trò, trách nhiệm, quyền hạn của người làm công tác giáo dục/cán bộ giáo dục cộng đồng hoặc cán bộ nghiên cứu khoa học giáo dục.

2.1.2. Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề

- Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi; Có khả năng phân tích vấn đề, biết xem xét, đánh giá, đưa ra những lập luận, lí lẽ để giải quyết vấn đề trong thực tiễn giáo dục và trong nghiên cứu khoa học giáo dục;

- Vận dụng những hiểu biết về thống kê trong giáo dục, kinh tế học giáo dục, triết lí giáo dục, xã hội học giáo dục,... để góp phần xây dựng chính sách giáo dục phù hợp với sự phát triển của xã hội và cộng đồng.

2.1.3. Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức

- Tìm kiếm, khai thác, xử lí được các thông tin cập nhật về những tiến bộ của khoa học giáo dục và khoa học liên ngành để nghiên cứu, vận dụng vào thực tế giáo dục trong các cơ sở giáo dục cũng như giáo dục cộng đồng;

- Xác định được các vấn đề nghiên cứu, vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục vào việc thực hiện có hiệu quả các đề tài cụ thể thuộc lĩnh vực khoa học giáo dục trong các cơ sở giáo dục và cộng đồng xã hội; ứng dụng những thành tựu của công nghệ trong nghiên cứu, phân tích và xử lí dữ liệu.

2.1.4. Khả năng tư duy theo hệ thống

- Nhận diện, so sánh và phân tích được các vấn đề trong nghiên cứu Khoa học giáo dục vào thực tiễn giáo dục;

- Vận dụng kiến thức liên ngành để nghiên cứu khoa học giáo dục, tổ chức các hoạt động giáo dục trong và ngoài nhà trường bảo đảm tính hệ thống;

2.1.5. Bối cảnh xã hội và ngoại cảnh

- Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác;
- Đánh giá, phân tích được những thay đổi, biến động trong bối cảnh xã hội, hoàn cảnh và môi trường làm việc để kịp thời đề ra các ý tưởng, biện pháp thích ứng, điều chỉnh và cải tiến kế hoạch nhằm đạt mục tiêu nghiên cứu, học tập, giáo dục cộng đồng.

2.1.6. Bối cảnh tổ chức

- Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong tổ chức;
- Nhận diện, phân tích và đánh giá được điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức, xu thế thay đổi và phát triển của tổ chức, đơn vị làm việc, trong bối cảnh chung của toàn xã hội để kịp thời có biện pháp điều chỉnh bản thân, đóng góp vào sự phát triển chung của tổ chức.

2.1.7. Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn

- Vận dụng được những kiến thức, kỹ năng chuyên môn và nghiệp vụ vào thực tiễn công việc.

2.1.8. Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp

- Tự đánh giá được điểm mạnh và điểm yếu trên cơ sở đối chiếu các yêu cầu của nghề nghiệp và yêu cầu thực tiễn với phẩm chất, năng lực của bản thân; sử dụng được các kết quả tự đánh giá vào việc bồi dưỡng, phát triển năng lực nghề nghiệp.

2.2. Kỹ năng hỗ trợ

2.2.1. Các kỹ năng cá nhân

- Sử dụng được công nghệ thông tin để tìm kiếm, tra cứu thông tin phục vụ trong công việc và nghiên cứu;
- Tự đánh giá được điểm mạnh, điểm yếu và sự tiến bộ của bản thân.

2.2.2. Làm việc theo nhóm

- Thành lập và tổ chức triển khai được các hoạt động làm việc theo nhóm, phối hợp giữa các thành viên trong nhóm và các nhóm khác trong việc thực hiện nhiệm vụ và ra quyết định;
- Phối hợp được với các thành viên trong nhóm và với nhóm khác nhằm mục đích hoàn thành nhiệm vụ chung của nhóm.

2.2.3. Quản lí và lãnh đạo

- Sáng tạo, quyết đoán và bản lĩnh và thuyết phục được sự đồng thuận của tập thể trong việc đưa ra các quyết định quản lí, lãnh đạo hướng tới vì công việc chung;
- Nhận diện, phát hiện và nhân rộng được những nhân tố có ảnh hưởng tích cực tới tập thể, khơi gợi, đánh thức tiềm năng của mỗi cá nhân, xây dựng sức mạnh tập thể.

2.2.4. Kỹ năng giao tiếp

- Phối hợp và sử dụng được các phương tiện, nguyên tắc và kỹ thuật giao tiếp bằng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ phù hợp với từng tình huống; làm chủ được cảm xúc của bản thân, giải quyết xung đột, biết thuyết phục và chia sẻ;
- Có thể giao tiếp hiệu quả, phù hợp với các đối tượng khác nhau, với những mục tiêu và ngữ cảnh khác nhau.

2.2.5. Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ

- Kỹ năng ngoại ngữ chuyên ngành: Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến khoa học giáo dục; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lí một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn;
- Sử dụng được ngoại ngữ, nhất là tiếng Anh trong việc giao tiếp, học hỏi, phục vụ cho công việc học tập và nghiên cứu, phát triển nghề nghiệp.

2.2.6. Các kỹ năng bổ trợ khác

- Kỹ năng kiên định và kỹ năng ứng phó với stress;
- Kỹ năng tự đánh giá, phản tỉnh;
- Kỹ năng lập kế hoạch phát triển sự nghiệp cá nhân;
- Kỹ năng tự học nâng cao trình độ.

3. Về phẩm chất đạo đức

3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội; chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;
- Say mê, nhiệt tình, chăm chỉ, kiên trì, sáng tạo, trung thực, cảm thông, chia sẻ và sẵn sàng đương đầu với khó khăn.

3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Yêu nghề, gắn bó với nghề;
- Chấp hành Luật Giáo dục, điều lệ, quy chế, quy định của ngành;
- Có ý thức tổ chức kỉ luật và tinh thần trách nhiệm; giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; sống trung thực, lành mạnh;
- Đoàn kết, hợp tác, cộng tác với đồng nghiệp; có ý thức xây dựng tập thể tốt để cùng thực hiện mục tiêu giáo dục;
- Công bằng, khách quan, chính xác; chủ động, tự tin, linh hoạt, có trách nhiệm và tác phong làm việc chuyên nghiệp.

3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

- Có lối sống lành mạnh, văn minh, phù hợp với bản sắc dân tộc và môi trường làm việc;
- Tham gia các hoạt động chính trị - xã hội; thực hiện nghĩa vụ công dân.

4. Mức tự chủ và trách nhiệm

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm;
- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định;
- Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân;
- Lập kế hoạch, điều phối, quản lí các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

5. Vị trí việc làm mà sinh viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

- Làm nhân viên phục vụ nghiên cứu trong các viện nghiên cứu về khoa học giáo dục: thực hiện khảo sát, xử lí số liệu, thống kê, phân tích số liệu khi nghiên cứu khoa học trong các tổ chức, cơ quan nghiên cứu giáo dục, các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, đặc biệt về lĩnh vực xây dựng chính sách, phát triển chương trình, biên tập chương trình;
- Làm công tác xây dựng, tư vấn quản lí trong các dự án và các công tác liên quan đến giáo dục trong các tổ chức phi chính phủ, phi lợi nhuận; các công việc liên quan đến giáo dục trong các cơ sở giáo dục, các trung tâm giáo dục trẻ em và các trung tâm phục vụ xã hội;
- Làm công tác tổ chức các hoạt động giáo dục, công tác đoàn đội và tham

gia các nhóm tư vấn phụ huynh; tham gia công tác truyền thông về giáo dục trong các nhà trường;

- Làm cán bộ phục vụ giảng dạy hoặc giảng dạy các vấn đề về Khoa học Giáo dục ở các cơ sở giáo dục hoặc cơ sở đào tạo nghề trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học.

6. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng tự học tập về các vấn đề lí luận và thực tiễn có liên quan đến khoa học giáo dục;

- Có khả năng theo học để lấy văn bằng thứ hai trong các lĩnh vực quản trị nhà trường, quản trị công nghệ giáo dục, quản trị chất lượng giáo dục, tham vấn học đường;

- Có cơ hội học lên bậc cao hơn (thạc sĩ, tiến sĩ) các chuyên ngành thuộc các lĩnh vực Giáo dục học; Quản lí giáo dục; Quản trị trường học; Đo lường và đánh giá trong giáo dục, Tham vấn học đường ...

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo: 136 tín chỉ
(Chưa tính các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh, Kỹ năng bổ trợ)

- Khối kiến thức chung:	27 tín chỉ
- Khối kiến thức theo lĩnh vực:	9 tín chỉ
+ Bắt buộc:	6 tín chỉ
+ Tự chọn:	3/9 tín chỉ
- Khối kiến thức theo khối ngành:	30 tín chỉ
+ Bắt buộc:	18 tín chỉ
+ Tự chọn:	12/27 tín chỉ
- Khối kiến thức theo nhóm ngành:	30 tín chỉ
+ Bắt buộc:	21 tín chỉ
+ Tự chọn:	9/15 tín chỉ
- Khối kiến thức ngành:	40 tín chỉ
+ Bắt buộc:	15 tín chỉ
+ Tự chọn:	12/45 tín chỉ
+ Kiến thức thực tập và tốt nghiệp:	13 tín chỉ



2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I	Khối kiến thức chung <i>(Chưa tính các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh, Kỹ năng bổ trợ)</i>		27				
1	PHI1004	Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1 <i>Fundamental Principles of Marxism – Leninism 1</i>	2	21	5	4	
2	PHI1005	Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2 <i>Fundamental Principles of Marxism – Leninism 2</i>	3	32	8	5	PHI1004
3	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh Ideology</i>	2	20	8	2	PHI1005
4	HIS1002	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam <i>The Revolutionary Line of the Communist Party of Vietnam</i>	3	35	7	3	POL1001
5	INT1004	Tin học cơ sở 2 <i>Introduction to Informatics 2</i>	3	17	28	0	
6	FLF2101	Tiếng Anh cơ sở 1 <i>General English 1</i>	4	16	40	4	
7	FLF2102	Tiếng Anh cơ sở 2 <i>General English 2</i>	5	20	50	5	FLF2101
8	FLF2103	Tiếng Anh cơ sở 3 <i>General English 3</i>	5	20	50	5	FLF2102
9		Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	4				
10		Giáo dục quốc phòng - an ninh <i>National Defence Education</i>	8				
11		Kỹ năng bổ trợ <i>Soft skills</i>	3				
II	Khối kiến thức theo lĩnh vực		9				
II.1	Các học phần bắt buộc		6				
12	PSE2001	Đại cương tâm lí học và tâm lí học nhà trường <i>General psychology and school psychology</i>	3	30	12	3	
13	PSE2009	Nhập môn Khoa học Giáo dục <i>Introduction to Educational Sciences</i>	3	30	15	0	
II.2	Các học phần tự chọn		3/9				
14	EDT3001	Nhập môn quản trị Công nghệ Giáo dục <i>Introduction to Educational technology management</i>	3	30	15	0	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
15	PSE3002	Tâm lí học xã hội và giao tiếp sư phạm <i>Social psychology and pedagogical communication</i>	3	33	9	3	
16	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam <i>Vietnamese culture</i>	3	33	9	3	
III	Khối kiến thức theo khối ngành		30				
III.1	Các học phần bắt buộc		18				
17	PSE 2010	Triết học giáo dục <i>Educational Philosophy</i>	3	33	9	3	
18	PSE2014	Lịch sử giáo dục <i>Educational History</i>	3	33	9	3	
19	PSE2012	Xã hội học giáo dục <i>Sociology in Education</i>	3	31	14	0	
20	EDM2003	Kinh tế học giáo dục <i>Education Economics</i>	3	33	9	3	
21	PSE2013	Giáo dục so sánh và quốc tế <i>Comparative and International Education</i>	3	33	9	3	
22	PSE4001	Tâm lí học Giáo dục <i>Educational Psychology</i>	3	33	9	3	
III.2	Các học phần tự chọn		12/27				
23	PSE3001	Lí thuyết phát triển con người và học tập <i>Theories of human development and learning</i>	3	33	9	3	
24	LIB1050	Nhập môn năng lực thông tin <i>Introduction to information competency</i>	3	18	18	9	INT1004
25	EDM2006	Hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở pháp lí trong quản lí giáo dục. <i>The National Education System and the Legal Basis for Management Education</i>	3	33	9	3	
26	EVS1001	Môi trường và phát triển <i>Enviroment and Development</i>	3	33	9	3	
27	PSE3003	Giáo dục giới và giới tính <i>Gender and sex education</i>	3	33	9	3	
28	INT3306	Lí thuyết đo lường và đánh giá tâm lí <i>Psychology measure and evaluation theory</i>	3	30	15	0	
29	SOW3022	Công tác xã hội trong trường học <i>Social work in schools</i>	3	33	9	3	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
30	PSE 2006	Tư vấn tâm lí học đường <i>Psychological Counseling in Schools</i>	3	17	25	3	
31	PSE 4009	Tư vấn hướng nghiệp <i>Vocational Orientation Counselling</i>	3	30	15	0	
IV	Khối kiến thức theo nhóm ngành		30				
IV.1	Các học phần bắt buộc		21				
32	PSE2004	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục <i>Research Methodology on Educational Sciences</i>	3	26	16	3	
33	PSE5030	Thống kê trong khoa học giáo dục <i>Statistics in Education</i>	3	26	16	3	
34	EDM2001	Phát triển chương trình giáo dục <i>School Education Curriculum Development</i>	3	36	6	3	
35	PSE5031	Giáo dục và quyền con người <i>Education and human right</i>	3	33	9	3	
36	PSY1150	Tâm lí học phát triển <i>Psychology Development</i>	3	33	9	3	
37	PSE5032	Giáo dục gia đình <i>Family Education</i>	3	33	9	3	
38	TMT1001	Lí luận và Công nghệ dạy học <i>Teaching Theories and Instruction Technology</i>	3	17	25	3	
IV.2	Các học phần tự chọn		9/15				
39	PSE4002	Giáo dục STEAM <i>STEAM education</i>	3	33	9	3	
40	PSE4003	Giáo dục hòa nhập <i>Intergration Education</i>	3	33	9	3	
41	PSE4005	Chính sách giáo dục <i>Education Policies</i>	3	33	9	3	
42	PSE5033	Giáo dục và phát triển bền vững <i>Education and sustainable development</i>	3	33	9	3	
43	EDM1001	Nhà nước pháp luật và bộ máy quản lí giáo dục <i>State law and educational management system</i>	3	30	15	0	
V	Khối kiến thức ngành		40				
V.1.	Các học phần bắt buộc		15				
44	PSE5036	Các lí thuyết Khoa học giáo dục hiện đại <i>Modern Theories of Educational Sciences</i>	3	33	9	3	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
45	SCA1005	Lí luận dạy học hiện đại <i>Modern teaching Theories</i>	3	33	9	3	
46	PSE5043	Lí luận giáo dục <i>Education Theory</i>	3	33	9	3	
47	EAM1001	Đánh giá trong giáo dục <i>Assessment in Education</i>	3	33	9	3	
48	FLF2104	Tiếng Anh chuyên ngành <i>Professional English</i>	3	18	24	3	
V.2	Các học phần tự chọn (một trong ba nhóm V.2.1, V.2.2 và V.2.3)		12/45				
V.2.1	Nghiên cứu khoa học giáo dục		12/15				
49	PSE5035	Nhập môn khoa học dữ liệu trong Giáo dục <i>Introduction to data science in Education</i>	3	33	9	3	
50	PSE4004	Xây dựng và quản lý dự án về giáo dục <i>Construction and project management on education</i>	3	33	9	3	
51	EAM4005	Nhập môn thiết kế điều tra khảo sát <i>Introduction to Survey Design</i>	3	33	9	3	
52	PSE5037	Các chỉ số phát triển trong giáo dục <i>Indicators of development in Education</i>	3	33	9	3	
53	EDM2011	Dự báo và chiến lược phát triển giáo dục <i>Prediction and Education Development Strategies</i>	3	33	12	0	
V.2.2	Giáo dục cộng đồng		12/15				
54	PSE5038	Giáo dục và phát triển cộng đồng <i>Education and community development</i>	3	33	9	3	
55	PSE5039	Giáo dục công dân toàn cầu <i>Global Citizenship Education</i>	3	33	9	3	
56	JOU2010	Truyền thông và quan hệ công chúng <i>Communication and public relations</i>	3	33	9	3	
57	EDM3009	Huy động cộng đồng phát triển giáo dục <i>Mobilize the community to develop education</i>	3	33	9	3	
58	PSE5040	Giáo dục lại <i>Re- education</i>	3	33	9	3	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
V.2.3	Giáo dục trong trường học		12/15				
59	PSE5041	Công tác đoàn đội trong trường học <i>Youth organization in schools</i>	3	33	9	3	
60	SCA2005	Quản trị trường học trong mối quan hệ giữa nhà trường và cộng đồng <i>School adminitration in the relationship between the school and the community</i>	3	33	9	3	
61	SCA2008	Xây dựng văn hóa nhà trường <i>Building school culture</i>	3	33	9	3	
62	PSE2005	Tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường <i>Organizing educational activities in the school</i>	3	18	24	3	
63	PSE5034	Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống <i>Education life values and life skills</i>	3	33	9	3	
V.3	Kiến thức thực tập và tốt nghiệp		13				
64	PSE5050	Thực tế <i>Practice</i>	3	9	51	0	
65	PSE5051	Thực tập tốt nghiệp <i>Graduation internship</i>	4	15	30	15	
66	PSE5052	Khóa luận tốt nghiệp <i>Undergraduate Thesis</i>	6	0	30	60	
Tổng			136				

Ghi chú: Học phần Ngoại ngữ thuộc khối kiến thức chung được tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo nhưng kết quả đánh giá các học phần này không tính vào điểm trung bình chung học kì, điểm trung bình chung các học phần và điểm trung bình chung tích lũy.